

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
Tỉnh Bến Tre**

Bản án số: **38/2018/HSST**

Ngày: 30/11/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Dương Văn Hai.

2. Ông Nguyễn Văn Chót.

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Trần Thị Lan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà:*** Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2018/HSST, ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Tấn T (tên gọi khác: P) - sinh năm 1991 tại huyện P, tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 146/3, ấp T (K 3), T, huyện P, tỉnh Bến Tre; Bị cáo không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trương Văn K, sinh năm: 1968 (sống) và bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1968 (sống); Bị cáo chưa có vợ; Bị cáo có 01 người em ruột sinh năm 2004.

- Tiền án: có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 13/2017/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú. Chấp hành xong án phạt tù vào ngày 29 tháng 01 năm 2018, chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Không có tiền sự do 02 tiền sự bị xử phạt trước đó đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Nhân thân: Năm 2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về tội “Phá hủy công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia” theo Bản án số 42/2008/HSPT ngày 22 tháng 01 năm 2008, đã được xóa án tích. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, có hành vi hủy hoại tài sản của người khác, bị Công an huyện Thanh Phú xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.500.000đồng theo Quyết định số 28/QĐ-XPHC ngày 13 tháng 01 năm 2016. Ngày 20 tháng 12 năm 2015, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an huyện Thanh Phú ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng theo Quyết định số 313/QĐ-XPHC ngày 28

tháng 12 năm 2015. Năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 13/2017/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2017, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 29 tháng 01 năm 2018, chưa được xóa án tích.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại tòa.

- **Bị hại:** Anh Phùng Văn C, sinh năm 1991. Nơi cư trú: ấp T M, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

1/ Anh Lê Thành T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: số nhà 289/1, ấp T (K1), T, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2/ Ông Đào Văn M, sinh năm 1964. Nơi cư trú: số nhà 289/1, ấp T (K1), T, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1963. Nơi cư trú: số nhà 289/1, ấp T (K1), T, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

4/ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990. Nơi cư trú: số nhà 92/2, ấp Q, T, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

5/ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984. Nơi cư trú: số nhà 166/2, ấp Q B, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

6/ Anh Huỳnh Kiến T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: số nhà 14/1, ấp T (K1), T, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

7/ Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: số nhà 393/3, ấp Q B, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 29/9/2018, Trương Tấn T đi bộ đến nhà ông Đào Văn M, sinh năm 1964 tại K1, T, huyện P, tỉnh Bến Tre để tìm Lê Thành T rủ đi chơi, khi đến nhà ông M thì do T không có ở nhà nên T ra vòng phía hong nhà nằm ngủ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T thức dậy và đi lên phía trước nhà thì phát hiện chiếc xe gắn máy nhãn hiệu KWASAKKI màu đỏ, biển số 71AD-001.57 của Phùng Văn C, sinh năm 1991, cư trú ấp T M, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre dựng trước nhà ông M, chìa khóa vẫn còn gắn trên ổ khóa xe. Quan sát thấy không người trông giữ xe nên T đã nảy sinh ý định lấy trộm xe gắn máy để bán lấy tiền

tiêu xài. T liền đến khởi động máy và điều khiển xe chạy đến nhà của anh Nguyễn Văn N là anh rể của T ở ấp Q B, xã B, huyện P chơi và ngủ lại tại đây.

Đến sáng ngày 30 tháng 9 năm 2018, Trương Tấn T điều khiển xe lấy trộm được đi tìm chỗ để bán hoặc cầm cố. Khi đến khu vực gần cống Cả Ráng thuộc khu vực giáp ranh giữa xã B và xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre thì T gặp Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990, cư trú ấp T Q, T, T hỏi Đ nhận cầm cố xe không nhưng do Đ không có tiền nên không đồng ý. Sau đó, T quay trở về nhà anh N.

Sau khi phát hiện bị mất xe, anh Phùng Văn C truy hô và truy tìm thì được người dân xung quanh cung cấp thông tin trước đó có nhìn thấy Trương Tấn T điều khiển một xe máy có đặc điểm giống xe của anh C từ nhà ông M chạy ra. Nghĩ T mượn xe nên anh C chờ tại nhà ông M một lúc nhưng không thấy T trở lại. Đến chiều ngày 30/9/2018, anh C đến trình báo với Công an thị trấn Thạnh Phú. Qua xác minh biết được T đang ở tại nhà anh Nguyễn Văn N nên Công an đến mời T về làm việc. Khi lực lượng Công an vừa đến nhà thì T bỏ chạy và để lại chiếc xe gắn máy đã lấy trộm. Sau đó, lực lượng Công an đã mời được T đến làm việc và T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe nêu trên.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ: 01 xe máy biển số: 71AD-001.57, nhãn hiệu KWASAKKI, màu đỏ-bạc, số máy: 9FMB00012175, số khung: BAMN9H012175, xe đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 51 ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thạnh Phú xác định tài sản bị chiếm đoạt có giá trị còn lại là: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Tài sản nêu trên đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú trao trả cho bị hại Phùng Văn C vào ngày 12 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định xử lý vật chứng số 13 và biên bản về việc trả lại tài sản ngày 12 tháng 10 năm 2018. Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT- VKS ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã truy tố: Trương Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú giữ quyền công tố luận tội và tranh luận có quan điểm không khác cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo Trương Tấn T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phùng Văn C đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

Quá trình điều tra bị hại Phùng Văn C đã nhận tài sản bị mất, không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo Trương Tấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và có yêu cầu xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Trương Tấn T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Tấn T thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân và thái độ xem thường pháp luật, nên vào khoảng 16 giờ ngày 29/9/2018 Trương Tấn T đã lén lút chiếm đoạt của anh Phùng Văn C, sinh năm 1991, cư trú ấp T M, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre 01 xe gắn máy biển số: 71AD-001.57, nhãn hiệu KWASAKKI, màu đỏ-bạc để nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Tài sản chiếm đoạt có giá trị là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) nên bản Cáo trạng số: 30/CT-VKS, ngày 15/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú truy tố bị cáo Trương Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Trương Tấn T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Tấn T có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tài sản do bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, tài sản trên đã trả lại cho bị hại. Trong quá trình điều tra cũng như tại tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, nên đây là các tình tiết được xem xét để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Trương Tấn T là người có nhân thân xấu đang có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn không chịu cải tạo mà còn tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phùng Văn C đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trương Tấn T phải nộp án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Trương Tấn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Tấn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phùng Văn C đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trương Tấn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu toà án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại Phùng Văn C vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Bị cáo; Bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên